

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 141/2019/DSPT

Ngày: 09/9/2019

V/v Kiện đòi tài sản.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Huân.

*Các thẩm phán:* Ông Nguyễn Duy Thuần; bà Đinh Thị Tuyết

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Vũ Đức Mạnh - Chức vụ: Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hải Anh – Chức vụ: Kiểm sát viên.

Mở phiên tòa ngày 09/9/2019, tại trụ sở TAND tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 116/2019/TLPT-DS ngày 25/6/2019 về việc: “*Kiện đòi tài sản*”; Do bản án dân sự sơ thẩm số: 28/2019/DS-ST ngày 17/5/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 161/2019/QĐXXPT-DS ngày 26/7/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 128/2019/QĐ-PT ngày 15/8/2019 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Bà Võ Thị Thúy H - Có mặt

Địa chỉ: Số A, tổ dân phố B, thị trấn C, huyện D, tỉnh Đắk Lắk

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Võ Ngọc C - Có mặt

Địa chỉ: Số A, tổ dân phố B, thị trấn C, huyện D, tỉnh Đắk Lắk

**Bị đơn:** Ngân hàng thương mại cổ phần A

Địa chỉ: Số A, tổ dân phố B, thị trấn C, huyện D, thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ chi nhánh tại tỉnh Đắk Lắk: Số A, tổ dân phố B, thị trấn C, huyện D, tỉnh Đắk Lắk

- Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Hoàng Tuấn D - Nhân viên Ngân hàng A chi nhánh Đắk Lắk - Có mặt (Theo văn bản ủy quyền ngày 29/11/2017)

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Ông Nguyễn Doãn N và bà Nguyễn Thị T - Vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Đắk Lắk

**Người làm chứng:**

1. Ông Nguyễn Quang T và bà Nguyễn Thị N - Vắng mặt

Địa chỉ: Thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Đắk Lắk

2. Ông Vi Thanh H - Vắng mặt

Địa chỉ: Ngân hàng, huyện C, tỉnh Đắk Lắk

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện ngày 27/7/2017 và quá trình tham gia giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Võ Thị Thúy H trình bày: Bà thường xuyên cho người khác vay tiền, để họ trả nợ tiền vay ngân hàng khi đến hạn; Sau đó, họ vay lại tiền của ngân hàng và trả nợ cho bà. Vì vậy, bà quen biết ông Vi Thanh H là nhân viên Ngân hàng thương mại cổ phần A (Sau đây gọi tắt là Ngân hàng A) tại phòng giao dịch huyện K; Ngày 03/3/2015, ông H điện thoại báo cho bà biết, vợ chồng ông Nguyễn Doãn N, bà Nguyễn Thị T vay Ngân hàng 250.000.000đ đã đến hạn nhưng chưa có tiền thanh toán cho ngân hàng để vay lại; Bà thỏa thuận với ông H, bà sẽ thanh toán cho ngân hàng khoản tiền vợ chồng ông N đã vay ngân hàng, mười ngày sau ngân hàng cho vợ chồng ông N vay lại, để trả nợ cho bà; Cũng trong ngày 03/3/2015, bà nộp vào Ngân hàng A tại phòng giao dịch huyện K 253.000.000đ, thanh toán khoản tiền vợ chồng ông N vay ngân hàng 250.000.000đ và 3.000.000đ tiền lãi suất nhưng sau đó Phòng giao dịch K không cho vợ chồng ông N vay lại tiền trả nợ cho bà; Hiện tại Ngân hàng A đang chiếm giữ trái phép của bà 253.000.000đ. Vì vậy, bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc Ngân hàng A trả lại cho bà 253.000.000đ.

Quá trình tham gia giải quyết vụ án, bị đơn là Ngân hàng A trình bày: Ngày 26/02/1994, Phòng giao dịch K trực thuộc chi nhánh tại tỉnh Đắk Lắk, ký kết hợp đồng tín dụng với vợ chồng ông Nguyễn Doãn N, bà Nguyễn Thị T; cho vợ chồng ông N vay 250.000.000đ; thời hạn vay 12 tháng; đến hạn trả nợ, Ngân hàng báo cho vợ chồng ông N thanh toán cho ngân hàng khoản tiền đã vay, cùng với tiền lãi; Ngày 03/3/2015, bà Võ Thị Thúy H đến Phòng giao dịch K tự nguyện thanh toán cho vợ chồng ông N khoản tiền đã vay, cùng với tiền lãi là 253.000.000đ. Ngân hàng không có thỏa thuận với bà H tiếp tục cho vợ chồng ông N vay tiền; Ngân hàng A không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà H về việc trả lại tiền cho bà H.

Quá trình tham gia giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Doãn N và bà Nguyễn Thị T trình bày: Vợ chồng ông, bà và vợ chồng ông Nguyễn Quang T, bà Nguyễn Thị N là hàng xóm với nhau. Sau khi thỏa thuận với vợ chồng ông T, ngày 26/02/2014, vợ chồng ông bà thế chấp quyền sử dụng đất cho Ngân hàng A tại phòng giao dịch huyện K và vay ngân hàng 250.000.000đ, giao cho vợ chồng ông T kinh doanh; Vợ chồng ông T có nghĩa vụ trả nợ tiền gốc và tiền lãi cho ngân hàng. Đến hạn trả nợ, ông T thông báo cho vợ chồng ông biết, là vợ chồng ông T đã thanh toán xong khoản nợ mà vợ chồng ông đã vay ngân hàng; vợ chồng ông đến Phòng giao dịch huyện K, lấy lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã thế chấp; vợ chồng ông bà không quen biết bà Võ Thị Thúy H; không biết việc bà H thanh toán khoản tiền nợ mà vợ chồng ông bà đã vay ngân hàng.

Quá trình tham gia giải quyết vụ án, người làm chứng là ông Nguyễn Quang T trình bày: Do cần tiền để kinh doanh nông sản, vợ chồng ông, nhờ vợ chồng Nguyễn Doãn N, bà Nguyễn Thị T vay giúp tiền tại ngân hàng; Ngày 26/02/2014, vợ chồng ông N thế chấp quyền sử dụng đất cho Ngân hàng A tại Phòng giao dịch

huyện K vay 250.000.000đ và giao cho vợ chồng ông kinh doanh; Hàng tháng vợ chồng ông trả tiền lãi cho ngân hàng; Khi đến hạn trả nợ, ông nhờ ông Vi Thanh H là cán bộ tín dụng Ngân hàng A, tìm người cho ông vay tiền để thanh toán khoản nợ mà vợ chồng ông N đã vay; ông H gửi cho ông số điện thoại của bà H. Thông qua điện thoại, ông và bà H thỏa thuận: Bà H cho vợ chồng ông vay 250.000.000đ với lãi suất 3.000đ/triệu/ngày để thanh toán khoản tiền mà vợ chồng ông N đã vay ngân hàng; Sau đó, ông sẽ nhờ vợ chồng ông N vay lại tiền ngân và trả nợ cho bà H. Do lúc này ông đang lái xe ô tô tại thành phố C, tỉnh Khánh Hòa, nên ông nhờ chị vợ là bà Nguyễn Thị E ( đã chết ngày 27/6/2015 ) đến nhà bà H vay 250.000.000đ; Bà H yêu cầu bà E viết giấy vay tiền và ký tên người vay là ông Nguyễn Doãn N; Bà E đưa thêm cho bà H 3.000.000đ để trả tiền lãi cho Ngân hàng; Ngày 03/3/2015, bà H đến Phòng giao dịch huyện K thanh toán khoản tiền nợ gốc và tiền, mà vợ chồng ông N đã vay Ngân hàng ngày 26/02/2014. Tuy nhiên, sau khi vợ chồng ông N rút giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thế chấp tại ngân hàng; vợ chồng ông N không đồng ý vay lại tiền Ngân hàng để cho vợ chồng ông mượn, nên hiện tại vợ chồng ông chưa có tiền để trả cho bà H 250.000.000đ đã vay.

Quá trình tham gia giải quyết vụ án, người làm chứng là ông Vi Thanh H trình bày: Ông là cán bộ tín dụng của Ngân hàng A tại phòng giao dịch huyện K; Ông phụ trách khoản vay của vợ chồng ông N, bà Tuấn đã vay ngân hàng ngày 26/02/2014; Ông không hứa hẹn, thỏa thuận với bà Võ Thị Thúy H về việc cho vợ chồng ông N vay lại tiền, sau khi vợ chồng ông N thanh xong khoản tiền vay đến hạn trả nợ.

Bản án dân sự sơ thẩm số: 28/2019/DS-ST ngày 17/5/2019 của TAND thành phố Buôn Ma Thuột đã áp dụng: khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 241 BLTTDS; Điều 121, Điều 122, Điều 594, Điều 595 BLDS năm 2005.

**Tuyên xử:** Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Thúy H về việc buộc Ngân hàng thương mại cổ phần A phải trả lại số tiền 253.000.000đ, theo phiếu thu tiền số 29 ngày 03/3/2015.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và tuyên quyền kháng cáo.

Ngày 27/5/2019, nguyên đơn là bà Võ Thị Thúy H có đơn kháng cáo, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện VKSND tỉnh Đắk Lắk cho rằng: Kể từ thời điểm thụ lý vụ án đến khi mở phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Xét yêu cầu kháng cáo của bà Võ Thị Thúy H, VKSND tỉnh Đắk Lắk xét thấy: Ngày 03/3/2015, bà Võ Thị Thúy H tự nguyện nộp vào Ngân hàng A 253.000.000đ để thanh toán khoản tiền nợ gốc và tiền lãi, mà vợ chồng ông Nguyễn Doãn N, bà Nguyễn Thị T vào ngày 26/02/2014; Việc bà H khởi kiện yêu cầu Ngân hàng A phải trả lại số tiền 253.000.000đ, là không có căn cứ. Tòa án cấp sơ thẩm tuyên xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H, là đúng pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử phúc không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện và đơn kháng cáo; các đương sự không tự hòa giải được với nhau về việc giải quyết vụ án và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết.

[1] Xét đơn kháng cáo của nguyên đơn còn trong hạn, nên hợp lệ.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Ngày 26/02/2014, vợ chồng ông Nguyễn Doãn N, bà Nguyễn Thị T, ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng A tại phòng giao dịch huyện K, vay ngân hàng 250.000.000đ; thời hạn vay 12 tháng; Vợ chồng ông N giao toàn bộ số tiền đã vay cho vợ chồng ông Nguyễn Quang T, bà Nguyễn Thị N kinh doanh. Theo thỏa thuận, vợ chồng ông T có nghĩa vụ thanh toán cho ngân hàng, số tiền mà vợ chồng ông N đã vay ngân hàng cùng với tiền lãi; Đến hạn vợ chồng ông N trả ngân hàng, ông T liên hệ với bà Võ Thị Thúy H để vay tiền thanh toán số tiền, mà vợ chồng ông N đã vay ngân hàng; bà H đồng ý cho ông T vay tiền, để thanh toán khoản nợ mà vợ chồng ông N đã vay ngân hàng; Ngày 03/3/2015, ông T nhờ bà Trần Thị E đến nhà bà H để nhận tiền vay; Bà H yêu cầu bà E viết giấy vay 253.000.000đ và ký tên người vay tiền là ông Nguyễn Doãn N; cũng trong ngày 03/3/2015, bà H mang 253.000.000đ đến phòng giao dịch huyện K, thanh toán khoản tiền mà vợ chồng ông N đã vay ngân hàng ngày 26/02/2014 cùng với tiền lãi; Việc này được thể hiện tại đơn khởi kiện ngày 03/3/2016 của bà Võ Thị Thúy H; Bà H khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông Nguyễn Doãn N phải trả cho bà số tiền đã vay ngày 03/3/2015 là 253.000.000đ với lý do: Vợ chồng ông N vay tiền của bà, để thanh toán cho Ngân hàng A tại phòng giao dịch huyện K, theo hợp đồng tín dụng ngày 26/02/2014; Sau đó, bà H rút đơn khởi kiện.

[3] Như vậy, số tiền 253.000.000đ mà bà H nộp tại phòng giao dịch huyện K, để thanh toán tiền nợ gốc và lãi, mà vợ chồng ông N đã vay Ngân hàng A ngày 26/02/2014, là tiền của ông Nguyễn Quang T vay của bà H và ông T ủy quyền cho bà H nộp vào ngân hàng; Bà H có quyền khởi kiện yêu cầu ông T trả số tiền nêu trên. Tòa án cấp sơ thẩm tuyên xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H về việc Ngân hàng A phải trả lại 253.000.000đ, theo phiếu thu tiền số 39 ngày 03/3/2015, là có căn cứ. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy, không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà H, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

**Về án phí phúc thẩm:** Do yêu cầu kháng cáo của bà Võ Thị Thúy H không được chấp nhận, bà H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 581 Bộ luật dân sự năm 2005; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

#### **Tuyên xử:**

- Không chấp nhận đơn kháng cáo của bà Võ Thị Thúy H, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 28/2019/DS-ST ngày 17/5/2019 của TAND thành phố Buôn Ma Thuột.

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Thúy H về việc buộc Ngân hàng thương mại cổ phần A phải trả lại số tiền 253.000.000đ, theo phiếu thu tiền số 39 ngày 03/3/2015.

**Về án phí phúc thẩm:** Bà Võ Thị Thúy H phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự phúc thẩm và được khấu trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại biên lai số: 0001689 ngày 05/6/2019, của Chi cục thi hành án dân sự thành phố B.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND Cấp cao;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND tp. Buôn Ma Thuột;
- Chi cục THADS tp. B;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Nguyễn Huồn**